

THÔNG BÁO

TUYỂN SINH SAU ĐẠI HỌC ĐỢT 2 NĂM 2014

Căn cứ Thông tư 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Thông tư số 05/2012/TT-BGDĐT ngày 15/02/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 10/2009/TT-BGDĐT ngày 07/5/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp. HCM thông báo tuyển sinh Sau đại học Đợt 2 năm 2014 như sau:

1. Các chuyên ngành và môn thi tuyển:

TT	Chuyên ngành	Mã ngành		Các môn thi tuyển thạc sĩ		
		Thạc sĩ	Tiến sĩ	Ngoại ngữ	Môn cơ bản	Môn cơ sở
1.	Giáo dục học	60140101		Anh văn	Toán B	Lý luận dạy học
2.	Lý luận và phương pháp dạy học (Tên cũ: Lý luận và phương pháp dạy môn KT)	60140110		Anh văn	Toán B	Lý luận dạy học
3.	Kỹ thuật cơ khí động lực (Tên cũ: Khai thác và bảo trì ô tô, máy kéo)	60520116		Anh văn	Toán A	Lý thuyết ô tô
4.	Kỹ thuật cơ khí (Tên cũ: Công nghệ chế tạo máy)	60520103	62520103	Anh văn	Toán A	Cơ sở Công nghệ CTM
5.	Kỹ thuật điện (Tên cũ: Thiết bị mạng và nhà máy điện)	60520202	62520202	Anh văn	Toán A	Cung cấp điện
6.	Kỹ thuật điện tử	60520203		Anh văn	Toán A	Mạch điện & lý thuyết tín hiệu
7.	Cơ kỹ thuật (Tên cũ: Cơ học kỹ thuật)	60520101	62520101	Anh văn	Toán A	Cơ học ứng dụng
8.	Kỹ thuật xây dựng công trình dân dụng & công nghiệp	60580208		Anh văn	Toán A	Sức bền vật liệu
9.	Kỹ thuật cơ điện tử	60520114		Anh văn	Toán A	Kỹ thuật điều khiển tự động

2. Hình thức và thời gian đào tạo:

- Đào tạo tiến sĩ: Hệ tập trung: 03 năm đối với người tốt nghiệp thạc sĩ, 04 năm đối với người tốt nghiệp đại học.

- Đào tạo thạc sĩ: Hệ tập trung 1,5 năm. (Học thứ 7, chủ nhật và các buổi tối trong tuần)

3. Điều kiện dự thi:

3.1 Thi Cao học:

Người dự thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ phải có các điều kiện sau đây:

a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ.

- Đối với ngành Giáo dục học: thí sinh có bằng đại học thuộc tất cả các ngành đều dự thi được.

- Với ngành Lý luận & phương pháp dạy học: thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc nhóm chuyên ngành kỹ thuật như: kỹ thuật điện-điện tử, chế tạo máy, cơ khí động lực, cơ kỹ thuật/điện tử, xây dựng,... và ít nhất một năm thâm niên giảng dạy; hoặc có chứng chỉ sư phạm bậc 2 (có thể bổ sung sau).

b) Đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành, chuyên ngành (Ngành tốt nghiệp đại học được xác định là ngành gần với ngành, chuyên ngành dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ khi cùng nhóm ngành trong Danh mục giáo dục đào tạo Việt Nam cấp III hoặc chương trình đào tạo của hai ngành này ở trình độ đại học khác nhau từ 10% đến 40% tổng số tiết học hoặc đơn vị học trình hoặc tín chỉ của khối kiến thức ngành) và đăng ký dự thi đào tạo trình độ thạc sĩ và đã học bổ sung kiến thức theo quy định.

3.2 Xét tuyển nghiên cứu sinh:

1. Có bằng thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển. Trường hợp chưa có bằng thạc sĩ thì phải có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy loại giỏi trở lên, ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển (*xem Phụ lục*).

2. Có một bài luận về dự định nghiên cứu, trong đó trình bày rõ ràng đề tài hoặc lĩnh vực nghiên cứu, lý do lựa chọn lĩnh vực nghiên cứu, mục tiêu và mong muốn đạt được, lý do lựa chọn cơ sở đào tạo; kế hoạch thực hiện trong từng thời kỳ của thời gian đào tạo; những kinh nghiệm, kiến thức, sự hiểu biết cũng như những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề hay lĩnh vực dự định nghiên cứu; dự kiến việc làm sau khi tốt nghiệp; đề xuất người hướng dẫn (*xem Phụ lục*).

3. Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành; hoặc một thư giới thiệu của một nhà khoa học có chức danh khoa học hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành và một thư giới thiệu của thủ trưởng đơn vị công tác của thí sinh (*theo mẫu*). Những người giới thiệu này cần có ít nhất 6 tháng công tác hoặc cùng hoạt động chuyên môn với thí sinh.

4. Đạt một trong các điều kiện sau về trình độ ngoại ngữ:

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính đến ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp theo khung năng lực tương đương cấp độ B1 theo quy định tại thông tư 10 và thông tư 05 sửa đổi bổ sung;

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ;

d) Trong trường hợp chưa đạt một trong các điều kiện trên, thí sinh phải tham dự kỳ thi đánh giá do Trường tổ chức. (*dự kiến thi vào tháng 8/2014*)

4. Điều kiện được miễn thi môn ngoại ngữ

a) Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định hiện hành;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài;

d) Có một trong các chứng chỉ trình độ ngoại ngữ sau:

- IELTS 4.5 trở lên do Hội đồng Anh (British Council) hoặc IDP Education Pty Ltd cấp.

- TOEFL 450 ITP, TOEFL 133 CBT, TOEFL 45 iBT do ETS, IIG hoặc IIE cấp.

- TOEIC 450 do ETS cấp.

Các chứng chỉ có giá trị trong thời hạn 2 năm tính từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi.

5. Đối tượng và chính sách ưu tiên đối với thi cao học

5.1. Đối tượng ưu tiên

a) Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

b) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định tại Điểm a, Khoản này;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

5.2. Mức ưu tiên

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên quy định tại Khoản 1 Điều này (bao gồm cả người thuộc nhiều đối tượng ưu tiên) được cộng vào kết quả thi mười điểm cho môn ngoại ngữ (thang điểm 100) nếu không thuộc diện được miễn thi ngoại ngữ theo quy định tại mục 4. của thông báo này và cộng một điểm (thang điểm 10) cho một trong hai môn thi còn lại, do cơ sở đào tạo quy định.

6. Điều kiện trúng tuyển, xét tuyển

1. Thí sinh thuộc diện xét trúng tuyển phải đạt **50% của thang điểm đối với mỗi môn thi, kiểm tra** (sau khi đã cộng điểm ưu tiên, nếu có).

2. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được thông báo cho từng ngành, chuyên ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi, kiểm tra của từng thí sinh (không cộng điểm môn ngoại ngữ), hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

3. Trường hợp có nhiều thí sinh cùng tổng điểm hai môn thi, kiểm tra nêu trên (đã cộng cả điểm ưu tiên, nếu có) thì xác định người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại Khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới;

b) Người có điểm cao hơn của môn chủ chốt của ngành, chuyên ngành;

c) Người được miễn thi ngoại ngữ hoặc người có điểm cao hơn của môn ngoại ngữ.

4. Công dân nước ngoài có nguyện vọng học thạc sĩ tại Việt Nam được thủ trưởng cơ sở đào tạo căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học; trình độ ngôn ngữ theo yêu cầu của chương trình đào tạo và trình độ tiếng Việt để xét tuyển; trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến Việt Nam học tập ở trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận hợp tác đó.

7. Hồ sơ dự thi:

7.1 Thi Cao học: liên hệ phòng Đào tạo – Bộ phận sau đại học (Phòng A1-204)

1- Đơn đăng ký dự thi (*theo mẫu*).

2- Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học (*có công chứng*).

3- 1 bảng điểm đại học (*có công chứng*) và bảng điểm cao đẳng (*nếu học liên thông*), bảng điểm học bổ sung/chuyên đổi (*nếu có*).

4- Lý lịch khoa học (*theo mẫu*) có xác nhận của cơ quan chủ quản hoặc xác nhận của địa phương.

5- 3 ảnh 3 x 4 (ghi rõ họ tên, ngày sinh, nơi sinh).

6- 2 phong bì ghi rõ địa chỉ người nhận.

7- Bản sao công chứng giấy tờ hợp pháp về đối tượng ưu tiên (*nếu có - theo mẫu*)

7.2 Xét tuyển nghiên cứu sinh: xem Phụ lục đính kèm

1- Đơn xin dự tuyển (*theo mẫu*);

2- Bản sao có công chứng và bản gốc (để đối chiếu) các văn bản sau:

+ Bảng và bảng điểm tốt nghiệp đại học;

+ Bảng và bảng điểm tốt nghiệp thạc sĩ;

+ Bảng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ (*nếu có*);

+ Các văn bằng, chứng chỉ khác (*nếu có*).

Các văn bằng và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng tiếng Việt.

3- 01 bản gốc và 05 bản sao của hai thư giới thiệu.

4- 06 bản bài luận về dự định nghiên cứu của thí sinh dự tuyển.

5- 06 bản sao các công trình nghiên cứu khoa học đã công bố (đóng thành tập, ghi tên và kê khai danh mục ở trang bìa), cụ thể:

+ Đối với bài báo: sao trang bìa, mục lục và nội dung bài báo.

+ Đối với đề tài nghiên cứu khoa học: sao Quyết định/Hợp đồng giao việc, Biên bản nghiệm thu đề tài và Bản tóm tắt nội dung chuyên đề nghiên cứu (đối với người tham gia và có xác nhận của chủ nhiệm đề tài).

6- 02 ảnh 3x4 và 02 phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ, điện thoại liên hệ.

7- Sơ yếu lý lịch (theo mẫu & xác nhận của địa phương) và lý lịch khoa học (xác nhận của cơ quan công tác).

8- Bản cam kết thực hiện nghĩa vụ học tập, nghiên cứu và chế độ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định.

9- Giấy khám sức khỏe.

Cơ sở đào tạo không hoàn trả lại hồ sơ sau khi nộp.

8. Thời gian nộp hồ sơ, ôn tập và thi tuyển:

8.1. Thi Cao học:

- Thời gian nhận hồ sơ : Từ ngày **07/7/2014 đến hết ngày 18/7/2014**

- Thời gian ôn tập : Bắt đầu từ ngày 02/6/2014 đến 10/8/2014

- Thời gian thi tuyển : Ngày **23 – 24/8/2014**

Thí sinh đăng ký ôn tập trước ngày 23/5/2014

8.2. Xét tuyển nghiên cứu sinh:

- Thời gian thi anh văn B1 : dự kiến 03/8/2014 (đăng ký theo thông báo)

- Thời gian nộp hồ sơ : đến hết ngày 15/8/2014

- Thời gian bảo vệ đề cương : Dự kiến 30/8/2014

9. Lệ phí thi tuyển:

- Phí đăng ký & dự thi Cao học : 400.000 đ

- Phí dự tuyển & tham gia xét tuyển NCS : 3.000.000 đ

Mọi chi tiết cần biết thêm, xin liên hệ:

Phòng Đào tạo – Bộ phận Sau đại học,

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM,

Số 01, Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: (08) 37225.766 Fax (08) 38964 922.

Web: www.hcmute.edu.vn (xem tại mục Đào tạo/Sau đại học)

Email: yananh.sdh@hcmute.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

PHỤ LỤC 1

Danh mục ngành đúng, phù hợp, ngành gần và môn bổ sung kiến thức

I - ĐỐI VỚI NGÀNH CƠ KỸ THUẬT

1. Đối tượng không cần bổ sung kiến thức

Thạc sỹ ngành Cơ học kỹ thuật được đăng ký làm Tiến sỹ ngành Cơ Kỹ thuật thì không cần bổ sung kiến thức ở trình độ thạc sỹ.

2. Đối tượng cần bổ sung kiến thức

a. Đối tượng là thạc sỹ ngành gần:

- Các ngành Cơ Khí: Chế tạo máy, Công nghệ Tự động, Cơ điện tử ...
- Các ngành kỹ thuật Giao thông: Kỹ thuật tàu thủy, Kỹ thuật hàng không, Cơ khí ô tô...
- Các ngành kỹ thuật Xây dựng và Địa chất: Công trình dân dụng và công nghiệp, Công trình biển, Cầu đường, ...

b. Danh mục các môn bổ sung kiến thức:

- Các học phần cần phải bổ sung kiến thức đối với NCS tốt nghiệp thạc sỹ ngành gần (sau khi đậu NCS):

- + Cơ học môi trường liên tục : 3 TC
- + Nguyên lý biến phân : 3 TC
- + Mô hình hóa và mô phỏng : 3 TC

c. Đối tượng là kỹ sư hoặc cử nhân: bằng kỹ sư hoặc cử nhân chuyên ngành Cơ học kỹ thuật phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sỹ tương đương với 36 tín chỉ.

II - ĐỐI VỚI NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN

1. Đối tượng không cần phải bổ sung kiến thức

Thạc sỹ tốt nghiệp chuyên ngành “Thiết bị, mạng và nhà máy điện”, “Mạng và Hệ thống điện”.

2. Đối tượng cần phải bổ sung kiến thức

a. Đối tượng là thạc sỹ ngành gần:

- Kỹ thuật điện tử;
- Kỹ thuật truyền thông;
- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa....

b. Danh mục các môn bổ sung kiến thức:

- Các học phần cần phải bổ sung kiến thức đối với NCS tốt nghiệp thạc sỹ ngành gần (sau khi đậu NCS):

- + Mô hình hóa và mô phỏng Hệ thống điện : 3TC
- + Công nghệ nhà máy điện : 3TC
- + Quá trình quá độ trong hệ thống điện : 3TC
- + Điều khiển máy điện và truyền động điện : 2TC

c. Đối tượng kỹ sư hay cử nhân các ngành gần:

- Các kỹ sư hay cử nhân tốt nghiệp các ngành gần Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông; Công nghệ kỹ thuật điện tử phải học các môn học chuyên đổi như sau:

1. Hệ thống điện :3TC
2. Giải tích và mô phỏng mạng điện trên máy tính :3TC
3. Cung cấp điện :3TC

Và phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sỹ tương đương với 36 tín chỉ.

II - ĐỐI VỚI NGÀNH KỸ THUẬT CƠ KHÍ

1. Đối tượng không cần phải bổ sung kiến thức

Thạc sỹ tốt nghiệp chuyên ngành “Công nghệ Chế tạo máy”, “Kỹ thuật cơ khí”.

2. Đối tượng cần phải bổ sung kiến thức

a. Đối tượng là thạc sỹ ngành gần:

- + Kỹ thuật nhiệt
- + Cơ kỹ thuật
- + Kỹ thuật cơ điện tử
- + Kỹ thuật cơ khí động lực

+ Kỹ thuật hàng không

+ Kỹ thuật tàu thủy

b. Danh mục các môn bổ sung kiến thức:

- Các học phần cần phải bổ sung kiến thức đối với NCS tốt nghiệp thạc sĩ ngành gần (sau khi đậu NCS):

1. Kỹ thuật điều khiển tự động trong công nghiệp : 3TC

2. Thiết kế và mô phỏng hệ thống máy : 2TC

3. Mô hình hóa hệ thống : 2TC

4. Tối ưu hóa quá trình cắt gọt : 2TC

c. Đối tượng kỹ sư hay cử nhân các ngành gần: phải học bổ sung kiến thức các học phần bậc thạc sĩ tương đương với 36 tín chỉ

Ghi chú: Các ngành gần cụ thể sẽ được chủ nhiệm ngành xem xét cụ thể và quyết định phần kiến thức cần bổ sung.

PHỤ LỤC 2

Yêu cầu đối với bài luận về dự định nghiên cứu của thí sinh dự tuyển

Bài luận về dự định nghiên cứu cần phản ánh trí tuệ, những điểm mạnh và tích cực của người viết, trình bày bằng một văn phong trong sáng, rõ ràng, qua đó cung cấp một hình ảnh rõ nét về thí sinh, với những thông tin mới mẻ (không lặp lại những thông tin có thể thấy trong hồ sơ như kết quả học tập, nghiên cứu...). Bài luận dài 3 - 4 trang, gồm những nội dung chính sau đây:

- (1). Lý do lựa chọn đề tài, lĩnh vực nghiên cứu.
- (2). Mục tiêu và mong muốn đạt được khi đăng ký đi học nghiên cứu sinh.
- (3). Lý do lựa chọn cơ sở đào tạo (nơi thí sinh đăng ký dự tuyển).
- (4). Những dự định và kế hoạch để đạt được những mục tiêu mong muốn.
- (5). Kinh nghiệm (về nghiên cứu, về thực tế, hoạt động xã hội và ngoại khóa khác); kiến thức, sự hiểu biết và những chuẩn bị của thí sinh trong vấn đề dự định nghiên cứu, phản ánh sự khác biệt của cá nhân thí sinh trong quá trình học tập trước đây và những kinh nghiệm đã có. Lý giải về những khiếm khuyết hay thiếu sót (nếu có) trong hồ sơ như kết quả học đại học, thạc sĩ chưa cao...
- (6). Dự kiến việc làm và các nghiên cứu tiếp theo sau khi tốt nghiệp.
- (7). Đề xuất người hướng dẫn (nếu có).

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

THƯ GIỚI THIỆU
Về ứng viên dự xét tuyển nghiên cứu sinh

Họ và tên người giới thiệu:

Học hàm, học vị:

Chức vụ:

Đơn vị công tác:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Nội dung nhận xét:

- a) Phẩm chất đạo đức, đặc biệt đạo đức nghề nghiệp;
- b) Năng lực hoạt động chuyên môn;
- c) Phương pháp làm việc;
- d) Khả năng nghiên cứu;
- đ) Khả năng làm việc theo nhóm;
- e) Điểm mạnh và yếu của người dự tuyển;
- g) Triển vọng phát triển về chuyên môn;
- h) Trình độ ngoại ngữ để tham khảo tài liệu, tham gia hoạt động quốc tế về chuyên môn phục vụ nghiên cứu khoa học và thực hiện đề tài luận án;
- i) Những nhận xét khác và mức độ ủng hộ, giới thiệu thí sinh làm nghiên cứu sinh.

Ngày tháng năm

Người giới thiệu
(Học hàm, học vị, họ và tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH

Kính gửi: **Hội đồng xét tuyển nghiên cứu sinh**

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Tp.HCM

Họ và tên:Giới tính:

Ngày sinh: Nơi sinh:

Quê quán:

Tốt nghiệp đại học năm: Chuyên ngành:

Tại trường:

Hệ: Chính quy , Tại chức , Chuyên tu , Mở rộng

Xếp loại: Trung bình , Trung bình khá , Khá , Giỏi , Xuất sắc

Bằng đại học thứ 2 (nếu có):

Tốt nghiệp cao học ngành: Điểm trung bình:

Năm TN: Trường cấp bằng:

Hiện đang làm việc tại:

Thuộc đối tượng xét tuyển: Cán bộ, Công chức Đơn vị kinh doanh

Thí sinh tự do Công tác tại miền núi

Thương binh Dân tộc ít người

Đăng ký xét tuyển nghiên cứu sinh

Chuyên ngành:..... Mã số:

Hình thức đào tạo: Tập trung

Lĩnh vực nghiên cứu đăng ký:

.....

.....

Tên người hướng dẫn đăng ký:

- Người HD chính:..... Nơi công tác:.....

- Người HD phụ:..... Nơi công tác:

Ngoại ngữ dự tuyển: Anh văn , Nga văn , Trung văn , Pháp văn

Tôi xin thực hiện đúng các quy định đối với thí sinh và nếu trúng tuyển sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về đào tạo trình độ tiến sĩ.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Người làm đơn

LÝ LỊCH KHOA HỌC

1. Họ và tên:					
2. Ngày sinh:		3. Nơi sinh		4. Nam/Nữ:	
5. Địa chỉ nhà riêng:					
Điện thoại NR:		; CQ:		; Mobile:	
E-mail:					
6. Chức vụ hiện nay:					
7. Cơ quan - nơi làm việc của cá nhân:					
Tên cơ quan :					
Địa chỉ cơ quan:					
Điện thoại :		; Fax:		; Website:	
8. Quá trình đào tạo					
Bậc đào tạo		Nơi đào tạo		Chuyên ngành	
Năm TN					
Đại học					
Thạc sỹ					
Tiến sỹ					
Thực tập sinh khoa học					
9. Trình độ ngoại ngữ (mỗi mục đề nghị ghi rõ mức độ: Tốt/Khá/TB)					
TT	Tên ngoại ngữ	Nghe	Nói	Đọc	Viết
1					
2					
10. Quá trình công tác					
Thời gian (từ năm ... đến năm...)		Vị trí công tác	Lĩnh vực chuyên môn	Cơ quan công tác	
11. Các công trình KH&CN chủ yếu được công bố (liệt kê công trình tiêu biểu đã công bố trong 5 năm gần nhất)					
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng)	Năm công bố	
1	Tạp chí quốc tế				
2	Tạp chí quốc gia				

3	Hội nghị quốc tế			
12. Số lượng văn bằng bảo hộ sở hữu trí tuệ đã được cấp (nếu có)				
TT	Tên và nội dung văn bằng		Năm cấp văn bằng	
1				
2				
13. Số lượng công trình, kết quả nghiên cứu được áp dụng trong thực tiễn (nếu có)				
TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng		Thời gian
1				
2				
14. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì hoặc tham gia trong 5 năm gần đây				
	Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ KH&CN đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng (đã nghiệm thu-xếp loại, chưa nghiệm thu)
15. Giải thưởng (về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,...)				
TT	Hình thức và nội dung giải thưởng			Năm tặng thưởng
1				
2				

Tôi xác nhận những thông tin được ghi ở trên là hoàn toàn chính xác.

Xác nhận của cơ quan công tác ngày tháng năm 20...

Người khai